TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K – TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **63/2023/HNGĐ-ST**
Ngày 20/12/2023
"V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K - TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà : ông Hoàng Ngọc Hưng

Các Hội thẩm nhân dân: ông Trần Văn Nghi

bà Trần Thị Lệ Dung

- Thư ký phiên toà: ông Phạm Văn Thành - Thư ký Toà án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa: ông Ninh Trọng Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 20/12/2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 213/2023/TLST-HNGĐ ngày 06/10/2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/11/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2023/QĐST-DS ngày 04/12/2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn**: chị Vũ Thị Y, sinh năm 1988; nơi ĐKHKTT: Xóm 4, xã T, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Địa chỉ hiện nay: Xóm 14, xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình "có mặt".

- **Bị đơn**: anh Trần Văn B, sinh năm 1992; địa chỉ: Xóm 4, xã T, huyện K, Ninh Bình "vắng mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/10/2023, bản tự khai, các tài liệu khác có trong hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn chị Vũ Thị Y trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị (Vũ Thị Y) kết hôn với anh Trần Văn B trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 17/02/2021 tại UBND xã T, huyện K. Sau kết hôn vợ chồng sống cùng gia đình nhà chồng tại xóm 4, xã T, huyện K. Quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian ngắn đã phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong sinh hoạt, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau và có lần xảy ra xô sát. Do không thể tiếp tục chung sống được với anh B, đầu năm 2023 chị Y đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ tại xóm 14, xã Đ, huyện K để ở và

vợ chồng chính thức sống ly thân nhau cho đến nay, trong thời gian vợ chồng sống ly thân bản thân chị Y đã một vài lần nói chuyện với anh B về cuộc hôn nhân, cùng tìm giải pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhưng anh B không có thiện chí. Chị Y xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị Y yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trần Văn B.

Về con chung: chị Y xác nhận vợ chồng anh chị có 01 con chung là cháu Trần Thùy D, sinh ngày 22/02/2021. Hiện nay cháu đang ở với chị Y tại xóm 14, xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Khi ly hôn chị Y có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu, vì cháu còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi sống phụ thuộc vào mẹ, chị Y không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị.

Về tài sản và nợ chung: chị Y xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có khoản nợ nào chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn trong vụ án là anh Trần Văn B, nơi cư trú tại xóm 4, xã T, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Sau khi thụ lý vụ án, Toà án nhân dân huyện K đã giao thông báo về việc thụ lý vụ án; giao các tài liệu, chứng cứ theo đề nghị của nguyên đơn; thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự cho anh B. Anh B đề nghị giao các văn bản của Tòa án cho bố anh là ông Trần Văn C nhận thay, vì anh bận công việc không có thời gian để nhận, anh B đề nghị Tòa án giải quyết theo yêu cầu của nguyên đơn, anh không có ý kiến gì.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã xác minh, ông Trịnh Tuấn A - Trưởng xóm 4, xã T, huyện K cung cấp: anh Trần Văn B là người địa phương, có kết hôn với chị Vũ Thị Y là người xã Đ, huyện K vào đầu năm 2021 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống cùng gia đình nhà anh B tại xóm 4, xã T. Quá trình chung sống, do anh B thường xuyên đi làm từ sáng đến tối mới về nhà, nên mâu thuẫn vợ chồng như nào ông không biết chính xác, qua tìm hiểu thì ông Tuấn A được biết anh B, chị Y có xảy ra cãi chửi nhau, có xảy ra xô sát. Ông đến nhà anh B tìm hiểu sự việc thì được biết chị Y cho rằng anh B không quan tâm gì đến vợ con, chị Y đã đưa con chung về bên nhà bố mẹ đẻ chị Y tại xóm 14, xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình từ đầu năm 2023 cho đến nay không quay về nhà anh B sinh sống, hai bên gia đình không thể nói chuyện được với nhau. Ngoài nguyên nhân này ra thì con có nguyên nhân nào khác dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng thì ông không biết. Về con chung, anh B, chị Y có 01 con chung là cháu Trần Thùy D, sinh tháng 02/2021. Hiện nay cháu đang ở với chị Y tại xóm 14, xã Đ, huyện K. Về công việc thì cả anh B, chị Y đều là lao động tự do nên thu nhập của anh chị ấy như nào ông Tuấn A không biết.

Ông Trần Văn C - bố đẻ anh B cung cấp: con trai ông là Trần Văn B có kết hôn với chị Vũ Thị Y vào tháng 02/2021. Sau khi cưới, cả anh B, chị Y đều sinh sống cùng vợ chồng ông tại xóm 4, xã T. Anh B, chị Y thời gian gần đây có xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, mặt khác chị Y là người hay ghen tuông vô cớ. Chị Y về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ đầu năm 2023, ông cũng động viên anh B lên nhà bố mẹ vợ để nói chuyện, tìm cách khắc phục mâu thuẫn, nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không ai quan tâm đến ai. Anh B đã nhận được thông báo thụ lý vụ án của Tòa án, nhưng không hiểu lý do tại sao không đến Tòa án làm việc, bản thân anh B cũng xác định mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được. Về con chung, anh B, chị Y có 01 con chung là cháu Trần Thùy D, sinh ngày 22/02/2021. Hiện nay cháu D đang ở với chị Y tại xóm 14, xã Đ, huyện K. Về vấn đề tài sản, anh B, chị Y không có tài sản nào chung.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát phát biểu về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký tòa án, Hội đồng xét xử (HĐXX) đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền, nghĩa vụ của mình; bị đơn không thực hiện đầy đủ các quy định Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền, nghĩa vụ của mình. Về nội dung vụ án: đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Xử cho chị Vũ Thị Y ly hôn anh Trần Văn B. Giao con chung là cháu Trần Thùy D, sinh ngày 22/02/2021 cho chị Y trực tiếp nuôi dưỡng. Anh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Y; anh B có quyền thăm nom con chung. Về án phí: chị Y phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu có tại hồ sơ cũng như kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: đây là quan hệ tranh chấp về "Hôn nhân và gia đình" quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn anh Trần Văn B, sinh năm 1992; địa chỉ: Xóm 4, xã T, huyện K, tỉnh Ninh Bình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Vũ Thị Y có đơn xin không tiến hành hòa giải, do đó Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn anh Trần Văn B, Tòa án nhân dân huyện K đã tống đạt giấy triệu tập, quyết định đưa vụ án ra xét xử và các văn bản tố

tụng khác theo quy định của pháp luật cho anh B. Tuy nhiên, tại phiên tòa lần thứ nhất vào ngày 04/12/2023 anh Trần Văn B là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, nên Hội đồng xét xử đã quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa lần thứ hai ngày 20/12/2023, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đến phiên tòa nhưng anh Trần Văn B vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn anh Trần Văn B theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Vũ Thị Y và anh Trần Văn B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được tự do tìm hiểu, không bị ai lừa dối hay ép buộc và có đăng ký kết hôn ngày 17/02/2021 tại UBND xã T, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình, thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, nhưng giữa anh B và chị Y không thực hiện đúng. Quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, anh B không quan tâm gì đến vợ con, chị Y nhắc nhở thì quay ra chửi mắng và đã có lần xảy ra xô sát, hiện chị Y, anh B đã sống ly thân được gần 1 năm, không ai quan tâm đến ai.

Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù anh B đang có mặt tại nơi cư trú xóm 4, xã T và anh B đã nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án cùng các văn bản tố tụng của Tòa án, biết rõ việc Tòa án nhân dân huyện K đang giải quyết vụ án ly hôn giữa chị Y với anh, nhưng anh B không hợp tác, không đến Tòa án làm việc, không có văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị Y. Tòa án cùng chính quyền địa phương đến gia đình nhà anh B làm việc, anh B không hợp tác và có ý kiến việc chị Y xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, anh không có ý kiến gì. Như vậy, giữa anh B và chị Y không có biện pháp nào để cải thiện đời sống chung của vợ chồng, anh B không có thiện chí hòa giải, có ý bỏ mặc, không quan tâm, không có biện pháp khắc phục mâu thuẫn vợ chồng, hiện nay vợ chồng vẫn sống ly thân. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Hội đồng xét xử xét thấy, cần áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, xử cho chị Vũ Thị Y được ly hôn anh Trần Văn B là có căn cứ.

[3] Về con chung: chị Y, anh B có 01 con chung là cháu Trần Thùy D, sinh ngày 22/02/2021. Hiện nay cháu đang ở với chị Y tại xóm 14, xã Đ, huyện K từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay, trong thời gian vợ chồng sống ly thân anh B không

quan tâm gì đến cháu. Quá trình giải quyết vụ án, chị Y có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh B phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị; anh B không có ý kiến gì về việc nuôi con chung, đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy, cháu Trần Thùy D, sinh ngày 22/02/2021 đến thời điểm xét xử cháu chưa đủ 36 tháng tuổi, theo quy định của pháp luật phải được giao cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng, nếu không có thỏa thuận nào khác. Mặt khác, chị Y cũng có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu, không yêu cầu anh B phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị. Vì vậy, cần chấp nhận đề nghị của chị Y, giao chị Y trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Trần Thùy D. Anh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Y như sự tự nguyện của chị Y là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản và nợ chung: chị Y xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có khoản nợ nào chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh B không có ý kiến gì. Vì vậy, HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: chị Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Vũ Thị Y và anh Trần Văn B.

2. Về nuôi con chung: giao con chung là cháu Trần Thùy D, sinh ngày 22/02/2021 cho chị Vũ Thị Y trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Dư đủ 18 tuổi. Anh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Y; anh B có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở và không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị Y. Khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí: chị Vũ Thị Y phải nộp 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng

án phí số AA/2021/0005042 ngày 06/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K; chị Y đã nộp đủ.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh NB;*
- *VKS huyện K;*
- *THADS huyện K;*
- *UBND xã T;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Hoàng Ngọc Hưng